

Bản án số: **54** /2024/DS-ST

Ngày: 13 - 08 - 2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị T1 Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Lâm;

Bà Đào Thị Tuyết Mai;

- Thư ký phiên Tòa: Ông Đặng Huỳnh Khánh Duy – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2023/TLST – DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B1 , sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện B, tỉnh E.

2. **Bi đơn:** Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện B, tỉnh E

Bà Phạm Thị T1 ủy quyền cho ông Trần Chí Trung tham gia tố tụng theo hợp đồng ủy quyền ngày 10/05/2024.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Minh V, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện B, tỉnh E

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/04/2023, bản tự khai ngày 13/12/2023, biên bản hòa giải ngày 24/11/2023, ngày 04/12/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị B1 trình bày:*

Bà có tham gia chơi hụi do bà Phạm Thị T1 làm chủ hụi và tổ chức gồm các dây hụi sau:

Dây hụi 1: Hụi khui ngày 15/3/2022, hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, hụi gồm 22 phần, hụi khui 01 tháng 02 lần, bà tham gia 01 phần, bà đã đóng được 18 phần với số tiền 36.000.000 đồng. Số tiền thực tế đóng bà không biết cụ thể. Phần hụi này bà chưa hốt hụi, lý do chủ hụi tuyên bố bế hụi ngưng không tiếp tục khui hụi nữa. Bà cho rằng dây hụi này bà T1 còn nợ bà số tiền 36.000.000 đồng. Giấy hụi đề khui 15-3 là dây hụi 1.

Dây hụi 2: Hụi Tuần, khui ngày 24/4/2022 hụi mệnh giá 300.000 đồng, hụi gồm 44 phần, hụi khui 01 tuần 01 lần, bà tham gia 06 phần, bà đã đóng được 34 phần với số tiền 34 phần x 300.000 đồng = 61.200.000 đồng, số tiền thực tế đóng bà không biết cụ thể. Phần hụi này bà chưa hốt hụi, lý do chủ hụi tuyên bố bế hụi ngưng không tiếp tục khui hụi nữa. Bà cho rằng dây hụi này bà T1 còn nợ bà số tiền 61.200.000 đồng.

Dây hụi 3: Hụi ngày, hụi khui ngày 02/12/2022, hụi mệnh giá 200.000 đồng, hụi gồm 43 phần, bà tham gia 10 phần, bà đã đóng được 15 phần với số tiền: 15 ngày x 10 phần x 200.000 đồng = 30.000.000 đồng. Số tiền thực tế đóng bà không biết cụ thể. Phần hụi này bà chưa hốt hụi, lý do chủ hụi tuyên bố bế hụi ngưng không tiếp tục khui hụi nữa. Bà cho rằng dây hụi này bà T1 còn nợ bà số tiền 30.000.000 đồng.

Dây hụi 4: Hụi Tuần, khui ngày 04/11/2022, hụi mệnh giá 300.000 đồng, hụi gồm 44 phần, bà tham gia 4 phần, bà đã đóng được 6 phần với số tiền 300.000 đồng x 4 phần x 6 phần = 7.200.000 đồng. Số tiền thực tế đóng bà không biết cụ thể. Phần hụi này bà chưa hốt hụi, lý do chủ hụi tuyên bố bế hụi ngưng không tiếp tục khui hụi nữa. Bà cho rằng dây hụi này bà T1 còn nợ bà số tiền 7.200.000 đồng.

Tổng cộng 4 dây hụi này bà T1 còn nợ bà 134.400.000 đồng. Từ khi bế hụi cho đến nay chị T1 chưa trả cho bà số tiền nào. Trước đây, do không biết giữa bà Phạm Thị T1 và ông Lê Minh V không có đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu bà T1 cùng chồng là ông Lê Minh V phải liên đới trả cho bà 134.400.000 đồng. Tại phiên tòa bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối số tiền hụi là 50.380.000 đồng và rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Minh V. Bà chỉ yêu cầu một mình bà Phạm Thị T1 trả lại số tiền vốn hụi là cho bà là 84.020.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 15/12/2022 âm lịch (dương lịch là ngày 06/01/2023) cho đến ngày nay là 01 năm 04 tháng 07 ngày, nhưng bà chỉ yêu cầu trong 01 năm 04 tháng.

** Tại bản tự khai ngày 24/11/2023, biên bản hòa giải ngày 24/11/2023, ngày 04/12/2023 và những lời khai tiếp theo bị đơn bà Nguyễn Thị B1 trình bày:*

Bà thừa nhận có tổ chức chơi hụi do bà làm chủ hụi và bà Nguyễn Thị B1 có tham gia chơi hụi do bà tổ chức gồm các dây hụi sau:

Dây hụi 1: Hụi khui ngày 15/3/2022, hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, hụi gồm 22 phần, hụi khui 01 tháng 02 lần, bà B1 tham gia 01 phần, bà B1 đã đóng được 18 lần với số tiền thực tế đóng 24.610.000 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm mười ngàn đồng), cụ thể bà đã khai tại bản tự khai liệt kê hụi đề dây 01.

Dây hụi 2: Hụi Tuần, khai ngày 24/4/2022, hụi mệnh giá 300.000 đồng, hụi gồm 44 phần, hụi khai 01 tuần 01 lần, bà B1 tham gia 06 phần, bà B1 đã đóng được 34 lần với số tiền 37.570.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm bảy chục ngàn đồng), bà đã ghi cụ thể tại bản kê hụi đề dây 2

Dây hụi 3: Hụi ngày, hụi khai ngày 02/12/2022, hụi mệnh giá 200.000 đồng, hụi gồm 43 phần, bà B1 tham gia 10 phần, bà B1 đã đóng được 10 ngày với số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng). Ghi bản kê là dây 4

Dây hụi 4: Hụi Tuần, khai ngày 04/11/2022, hụi mệnh giá 300.000 đồng, hụi gồm 44 phần, bà B1 tham gia 4 phần, bà B1 đã đóng được 6 lần với số tiền cụ thể 4.840.000 đồng (bốn triệu tám trăm bốn chục ngàn đồng), dây hụi này bà đã liệt kê ghi là dây 3.

Tổng cộng 04 dây hụi này bà B1 đóng cho bà được 84.020.000 đồng (tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng). Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý một mình trả cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền 84.020.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) xin trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn về phần lãi suất xin không trả.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh V đã được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng nên không T1 thập được lời khai.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về T1 thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành T1 thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, Điều 21, 22, 23 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phúng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B1 đối với bị đơn bà Phạm Thị T1. Buộc bà Phạm Thị T1 phải trả số tiền nợ hụi cho bà Nguyễn Thị B1 là 84.020.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi suất 10%/ năm theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị B1 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị T1 trả lại số tiền nợ hui. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay góp hui*” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận của Công an xã L thì bà Phạm Thị T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú xã L nên Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án T1ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh V vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập lần thứ hai. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Minh V là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bà Nguyễn Thị B1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối số tiền hui là 50.380.000 đồng và rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Minh V. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà B1 nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần đối yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị B1.

- Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B1 yêu cầu bà Phạm Thị T1 phải trả số tiền hui 84.020.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Phạm Thị T1 thừa nhận có làm chủ hui và còn nợ bà Nguyễn Thị B1 số tiền là 84.020.000 đồng. Lời thừa nhận thống nhất này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bà Nguyễn Thị B1 có chơi hui với bà Phạm Thị T1. Trong đó, bà Nguyễn Thị B1 là hui viên, bà Phạm Thị T1 là chủ hui. Bà Nguyễn Thị B1 là hui viên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người hui viên đóng hui đầy đủ mỗi kỳ khai hui. Bà Phạm Thị T1 là chủ hui đã tổ chức chơi hui và gom tiền của hui viên ở mỗi kỳ khai hui trong đó có gom tiền của bà Nguyễn Thị B1 nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chủ hui. Cụ thể bà T1 đã tuyên bố bẻ hui vào tháng 12/2022 âm lịch và không giao hui cho hui viên là bà B1. Vì bà T1 vi phạm nghĩa vụ của chủ hui nên yêu cầu khởi kiện của bà B1 là có cơ sở. Vì vậy, buộc bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền hui là 84.020.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

[6] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B1 yêu cầu tính lãi suất của số tiền 84.020.000 đồng kể từ ngày bẻ hui 15/12/2022 âm lịch cho đến ngày xét xử 13/05/2024 là 01 năm 04 tháng 07 ngày nhưng bà chỉ yêu cầu thời gian tính lãi suất là 01 năm 04 tháng với mức lãi suất 10%/ năm. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ hui nên phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho bà B1 theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Mức lãi suất bà B1 yêu cầu 10%/ năm là phù hợp nên được chấp nhận.

Bà B1 tự nguyện yêu cầu thời gian tính lãi suất từ ngày ngày 15/12/2022 âm lịch (Dương lịch là ngày 06/01/2023) đến ngày xét xử 13/05/2024 tính tròn số là 01 năm 04 tháng nên được ghi nhận. Vậy lãi suất bà T1 phải trả cho bà B1 là

84.020.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 04 tháng = 11.174.000 đồng (Mười một triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Tổng số tiền bà Phạm Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền hui là 95.194.000 đồng (Chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng), trong đó tiền vốn hui là 84.020.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng), tiền lãi suất là 11.174.000 đồng (Mười một triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

[7] Về trách nhiệm thi hành án: Bà T1 xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, pháp luật không quy định việc trả dần nếu không có sự thỏa thuận của các bên nên yêu cầu này của bà T1 không được xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị T1, phải chịu án phí là 95.194.000 đồng x 5% = 4.759.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng)

Bà Nguyễn Thị B1 là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tạm ứng án phí.

[9] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phù hợp với Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, 147, 217 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B1 đối với bà Phạm Thị T1, ông Lê Minh V về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B1 đối số tiền hui đã rút yêu cầu khởi kiện là 50.380.000 đồng

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B1 đối với ông Lê Minh V về trách nhiệm liên đới.

2. Buộc bà Phạm Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị B1 số tiền hui là 95.194.000 đồng (Chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng), trong đó tiền vốn hui là 84.020.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng), tiền lãi suất là 11.174.000 đồng (Mười một triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Phạm Thị T1 phải chịu án phí là 4.759.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng)

Bà Nguyễn Thị B1 là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B1, bị đơn bà Phạm Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Minh V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Lê Thị T1 Hương